

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020*

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á**



# MỤC LỤC

---oOo---

---

	Trang
1- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
2- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05
3- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 09
4- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
5- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11 - 13
6- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	14 - 57

---

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### 1. Thông tin chung về Ngân hàng:

#### Thành lập:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á ("Ngân hàng") được thành lập và đăng ký hoạt động tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") đã cấp giấy phép số 55/GP-NHNN về việc thành lập và hoạt động Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á. Giấy phép này thay thế cho Giấy phép hoạt động số 12/NH-GP ngày 9 tháng 5 năm 2003 do NHNNVN cấp; Quyết định số 440/QĐ-NHNN ngày 9 tháng 5 năm 2003 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 9 tháng 5 năm 2003.

#### Hoạt động của Ngân Hàng:

- Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
  - + Cho vay;
  - + Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
  - + Bảo lãnh ngân hàng;
  - + Phát hành thẻ tín dụng;
  - + Bao thanh toán trong nước.
- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng
- Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
  - + Cung ứng phương tiện thanh toán;
  - + Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- Mở tài khoản
  - + Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
  - + Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài khác.
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
- Dịch vụ môi giới tiền tệ.
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động của ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định.
- Kinh doanh mua, bán vàng miếng.
- Mua nợ.
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
- Ví điện tử.

**Tên viết tắt:** VIETABANK

**Trụ sở chính:** 34A-34B Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Ngân hàng được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

#### Hội đồng quản trị

Ông PHƯƠNG HỮU VIỆT	Chủ tịch	
Ông PHAN VĂN TỐI	Phó Chủ tịch	
Ông PHƯƠNG XUÂN THỤY	Phó Chủ tịch	(miễn nhiệm kể từ ngày 20/06/2020)
Ông NGUYỄN VĂN HẢO	Thành viên	(miễn nhiệm kể từ ngày 26/09/2020)
Ông TRẦN TIẾN DŨNG	Thành viên	
Bà PHƯƠNG MINH HUỆ	Thành viên	(bỏ nhiệm kể từ ngày 20/06/2020)
Ông NGUYỄN HỒNG HẢI	Thành viên	(bỏ nhiệm kể từ ngày 20/06/2020)
Bà NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	Thành viên	(miễn nhiệm kể từ ngày 20/06/2020)

#### Ban Kiểm soát

Bà NGUYỄN KIM PHƯỢNG	Trưởng ban
Bà NGUYỄN THỊ HOAN	Thành viên
Ông HOÀNG VŨ TÙNG	Thành viên

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông NGUYỄN VĂN HẢO	Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm kể từ ngày 01/07/2020)
Ông NGUYỄN VĂN TRỌNG	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành	(bỏ nhiệm kể từ ngày 01/07/2020)
Ông PHẠM LINH	Phó Tổng Giám đốc	
Ông TRẦN TIẾN DŨNG	Phó Tổng Giám đốc	
Ông VŨ ĐỨC HƯNG	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm kể từ ngày 01/08/2020)
Ông LÊ MINH HUẤN	Phó Tổng Giám đốc	
Ông CÙ ANH TUẤN	Phó Tổng Giám đốc	(bỏ nhiệm kể từ ngày 01/08/2020)
Ông PHƯƠNG THÀNH LONG	Phó Tổng Giám đốc	(bỏ nhiệm kể từ ngày 04/01/2021)
Ông LÃ QUANG TRUNG	Kế toán trưởng	(miễn nhiệm kể từ ngày 01/05/2020)
Ông NGUYỄN THÀNH CÔNG	Phó Giám đốc phụ trách Khối Tài Chính	(bỏ nhiệm kể từ ngày 01/07/2020)

### Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng

Người đại diện theo pháp luật trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là Ông PHƯƠNG HỮU VIỆT

Ông PHƯƠNG HỮU VIỆT đã ủy quyền cho Ông NGUYỄN VĂN TRỌNG ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy Ủy quyền số 173/2020/UQ-CT.HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2020.

#### 4. Thông tin khác

Theo công văn số 10088/NHNN-TTGSNH ngày 25/12/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận phương án tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Việt Á từ 3.500 tỷ đồng lên 5.000 tỷ đồng, Ngân hàng TMCP Việt Á đã chào bán cổ phiếu ra công chúng và đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận số 45/GCN-UBCK ngày 26/3/2020. Ngày 30/6/2020 Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 4181/UBCK-QLCB thông qua báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ngân hàng TMCP Việt Á phát hành thành công 97,36 triệu cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tương đương 973,6 tỷ đồng. Tuy nhiên, do tỷ lệ sở hữu của cổ đông là cá nhân đã vượt quá tỷ lệ quy định nên vào ngày 19/11/2020 Ngân hàng đã có Báo cáo số 304/2020/BC-VAB gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Báo cáo Kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng sau khi đã hoàn tất việc chào bán cổ phiếu và tổng số cổ phiếu đã phân phối là 94,96 triệu cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tương đương 949,64 tỷ đồng. Ngày 07/12/2020, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 7191/UBCK-QLCB chấp thuận việc điều chỉnh kết quả phát hành và phê duyệt kết quả VAB đã phát hành thành công 94.964.520 cổ phiếu.

#### 5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### 6. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 7. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Tp. Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2021

**TM. Ban Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN VĂN TRỌNG**

Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**

Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City

Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines)

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn

Số: A0420124-HN/AISC-DN6

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:**

**QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Á ("Ngân hàng"), được lập ngày 13 tháng 4 năm 2021, từ trang 06 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán của Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

*Tp. HCM, ngày 13 tháng 4 năm 2021*

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đương Thị Phương Anh**

Số GCNĐKHNT: 0321-2018-005-1

*Bộ Tài Chính Việt Nam cấp*

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**Phạm Thị Thanh Mai**

Số GCNĐKHNT: 1044-2018-005-1

*Bộ Tài Chính Việt Nam cấp*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN</b>			
<b>I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>	<b>V.01</b>	<b>295.746.112.695</b>	<b>266.475.949.276</b>
<b>II. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước</b>	<b>V.02</b>	<b>2.200.651.682.348</b>	<b>2.941.222.700.590</b>
<b>III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác</b>	<b>V.03</b>	<b>15.223.083.833.362</b>	<b>11.627.382.764.646</b>
1. Tiền gửi tại các TCTD khác		15.223.083.833.362	11.627.382.764.646
2. Cho vay các TCTD khác		-	-
3. Dự phòng rủi ro		-	-
<b>IV. Chứng khoán kinh doanh</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	-
<b>V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>V.4</b>	<b>5.554.449.516</b>	<b>49.127.120.000</b>
<b>VI. Cho vay khách hàng</b>		<b>47.808.005.549.421</b>	<b>42.158.036.315.716</b>
1. Cho vay khách hàng	<b>V.5.1</b>	48.378.542.968.777	42.623.753.622.624
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	<b>V.5.2</b>	(570.537.419.356)	(465.717.306.908)
<b>VII. Hoạt động mua nợ</b>	<b>V.06</b>	-	<b>1.518.946.560</b>
1. Mua nợ		-	1.518.946.560
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
<b>VIII. Chứng khoán đầu tư</b>	<b>V.07</b>	<b>12.399.950.665.898</b>	<b>13.442.438.356.158</b>
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		11.216.122.161.812	10.218.379.052.113
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		1.199.999.287.624	4.062.797.278.819
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(16.170.783.538)	(838.737.974.774)
<b>IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>V.08</b>	<b>113.873.630.000</b>	<b>313.373.630.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con		-	-
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		113.873.630.000	313.373.630.000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>X. Tài sản cố định</b>		<b>207.724.906.906</b>	<b>196.517.738.805</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	72.773.496.212	80.444.595.262
a. Nguyên giá TSCĐ		295.165.480.544	309.541.716.472
b. Hao mòn TSCĐ		(222.391.984.332)	(229.097.121.210)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a. Nguyên giá TSCĐ		-	-
b. Hao mòn TSCĐ		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.10	134.951.410.694	116.073.143.543
a. Nguyên giá TSCĐ		234.887.713.253	216.317.193.940
b. Hao mòn TSCĐ		(99.936.302.559)	(100.244.050.397)
<b>XI. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>3.034.540.000</b>
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	3.034.540.000
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
<b>XII. Tài sản Có khác</b>	<b>V.11</b>	<b>8.274.759.023.315</b>	<b>5.447.635.577.054</b>
1. Các khoản phải thu		3.063.802.580.285	1.198.378.832.013
2. Các khoản lãi, phí phải thu		3.453.802.454.335	3.111.601.728.533
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
4. Tài sản Có khác		1.806.636.861.715	1.187.355.016.508
- Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(49.482.873.020)	(49.700.000.000)
<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>		<b>86.529.349.853.461</b>	<b>76.446.763.638.805</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>I. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước</b>			
-			
<b>II. Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>			
V.12			
18.166.993.738.362		21.416.475.700.130	
1. Tiền gửi của các TCTD khác			
13.601.194.237.235		12.748.638.300.157	
2. Vay các TCTD khác			
4.565.799.501.127		8.667.837.399.973	
<b>III. Tiền gửi của khách hàng</b>			
V.13			
59.271.859.700.279		47.428.710.471.366	
<b>IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>			
-			
<b>V. Vốn tài trợ, Ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>			
V.14			
-		6.546.256.000	
<b>VI. Phát hành giấy tờ có giá</b>			
V.15			
1.357.635.398.735		1.249.345.128.315	
<b>VII. Các khoản nợ khác</b>			
V.16			
2.008.933.360.113		1.903.419.629.782	
1. Các khoản lãi, phí phải trả			
1.602.620.402.642		1.373.901.578.799	
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả			
-		-	
3. Các khoản phải trả và công nợ khác			
406.312.957.471		529.518.050.983	
4. Dự phòng rủi ro khác (Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)			
-		-	
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>80.805.422.197.489</b>	<b>72.004.497.185.593</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>VIII. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>V.17</b>	<b>5.723.927.655.972</b>	<b>4.442.266.453.212</b>
1. Vốn của TCTD		4.449.747.740.351	3.500.102.540.351
a. Vốn điều lệ		4.449.635.670.000	3.499.990.470.000
b. Vốn đầu tư XD CB, mua sắm tài sản cố định		-	-
c. Thặng dư vốn cổ phần		98.600.000	98.600.000
d. Cổ phiếu quỹ		-	-
e. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
f. Vốn khác		13.470.351	13.470.351
2. Quỹ của TCTD		276.854.471.680	227.052.071.266
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối		997.325.443.941	715.111.841.595
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>86.529.349.853.461</b>	<b>76.446.763.638.805</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
1. Bảo lãnh vay vốn		300.000.000.000	-
2. Cam kết giao dịch hối đoái	VIII.33	3.162.645.000.000	11.921.835.076.420
2.1 Cam kết mua ngoại tệ		-	231.730.000.000
2.2 Cam kết bán ngoại tệ		-	-
2.3 Cam kết giao dịch hoán đổi		3.162.645.000.000	11.690.105.076.420
2.4 Cam kết giao dịch tương lai		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.33	382.891.507.294	158.276.346.490
5. Bảo lãnh khác	VIII.33	684.886.456.296	548.756.050.446
6. Các cam kết khác		-	-

Tp. Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2021

Người lập biểu

  
NGUYỄN HỮU CƯỜNG

Phụ trách kế toán

  
NGUYỄN THÀNH CÔNG

Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành

  
NGUYỄN VĂN TRỌNG



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.18	5.788.355.560.383	4.918.276.257.643
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.19	4.477.575.756.332	3.899.112.159.152
<b>I. Thu nhập lãi thuần</b>		<b>1.310.779.804.051</b>	<b>1.019.164.098.491</b>
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		50.434.749.704	22.992.606.611
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		33.934.070.409	36.136.649.589
<b>II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	VI.20	<b>16.500.679.295</b>	<b>(13.144.042.978)</b>
<b>III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	VI.21	<b>33.984.368.124</b>	<b>9.619.206.443</b>
<b>IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	VI.22	<b>1.277.542.843</b>	<b>2.280.537.636</b>
<b>V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	VI.23	<b>16.093.101.809</b>	<b>1.819.467.837</b>
5. Thu nhập từ hoạt động khác		402.700.018.609	229.944.657.669
6. Chi phí hoạt động khác		47.429.682.136	7.764.518.553
<b>VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác</b>	VI.24	<b>355.270.336.473</b>	<b>222.180.139.116</b>
<b>VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	VI.25	<b>47.822.955.000</b>	<b>1.165.328.500</b>
<b>VIII. Chi phí hoạt động</b>	VI.26	<b>616.682.423.678</b>	<b>601.331.722.462</b>
<b>IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>1.165.046.363.917</b>	<b>641.753.012.583</b>
X.1 Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	VI.27	757.570.969.567	365.935.334.805
<b>XI. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>407.475.394.350</b>	<b>275.817.677.778</b>
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		75.459.391.590	68.420.133.886
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
<b>XII. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	VI.28	<b>75.459.391.590</b>	<b>68.420.133.886</b>
<b>XIII. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>332.016.002.760</b>	<b>207.397.543.892</b>
<b>XIV. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>			
<b>XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	V.17.2	<b>834</b>	<b>593</b>

Tp. Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2021

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành



NGUYỄN HỮU CƯỜNG



NGUYỄN THÀNH CÔNG



NGUYỄN VĂN TRỌNG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		5.446.154.834.581	4.260.692.942.645
02. Chi phí lãi và các khoản thu nhập tương tự đã trả		(4.248.856.932.489)	(3.535.528.942.198)
03. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		16.500.679.295	(13.144.042.978)
04. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		51.355.012.776	13.719.211.916
05. Thu nhập khác		324.639.103.101	(71.681.203.261)
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý hoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro		30.611.642.463	-
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(595.282.519.725)	(581.397.082.857)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ		(76.334.875.391)	(33.986.816.408)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</i>		<b>948.786.944.611</b>	<b>38.674.066.859</b>
<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>			
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền và cho vay các TCTD khác		100.000.000.000	(50.000.000.000)
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		1.865.054.881.496	(1.346.777.074.042)
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		43.572.670.484	(48.243.370.000)
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(5.753.270.399.593)	(4.707.635.170.453)
13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(1.475.928.935.335)	-
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(2.712.119.122.848)	(56.261.431.352)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		-	(10.171.722.067)
16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD		(3.249.481.961.768)	(1.297.985.959.521)
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		11.843.149.228.913	6.061.612.314.792
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		108.290.270.420	(432.798.293.653)
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(6.546.256.000)	(7.712.252.000)
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		105.513.730.331	635.106.287.493
22. Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		-	-
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.817.021.050.711</b>	<b>(1.222.192.603.944)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01. Mua sắm TSCĐ		(32.643.122.727)	(18.067.475.196)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		19.590.909	-
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
04. Mua sắm bất động sản đầu tư			(3.034.540.000)
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		3.034.540.000	-
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		199.500.000.000	-
09. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		47.822.955.000	1.165.328.500
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		<b>217.733.963.182</b>	<b>(19.936.686.696)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
01. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		949.645.200.000	-
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		<b>949.645.200.000</b>	<b>-</b>
<b>IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>2.984.400.213.893</b>	<b>(1.242.129.290.640)</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>14.685.081.414.512</b>	<b>15.927.210.705.152</b>
<b>VI. Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>VII.29</b>	<b>17.669.481.628.405</b>	<b>14.685.081.414.512</b>

TP. Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2021

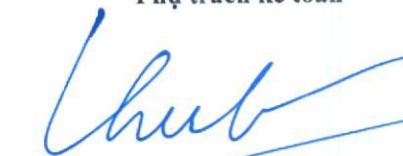
Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành



NGUYỄN HỮU CƯỜNG



NGUYỄN THÀNH CÔNG



NGUYỄN VĂN TRỌNG